

CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH-phần 20

THUYẾT MINH VỀ TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

Ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVIII với nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, liền sau đó được Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm diễn nôm (dịch thành quốc ngữ)(1) Chinh Phụ Ngâm đã mau đi vào lòng mọi tầng lớp quần chúng.

Trải qua hơn hai thế kỉ rưỡi cho đến nay, Chinh Phụ Ngâm luôn giữ nguyên giá trị của một viên ngọc văn chương sáng ngời, một sản phẩm đáng tự hào của xứ sở vốn "nổi tiếng thi thư"(2)

Nguyên tác Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn của Đặng Trần Côn là một tác phẩm văn chương đặc sắc. Không những giới nho sĩ

Việt Nam mà cả các bậc văn nhân Trung Hoa, đều yêu thích và khâm phục tác phẩm này. Bằng văn tài xuất sắc, Đặng Trần Côn sử dụng thể thơ tự do như "cổ phong" trong "Nhạc phủ" hoặc thể "từ" mà Khuất Nguyên và Lí Bạch từng sử dụng, để viết nên một tác phẩm trữ tình hiếm có, mô tả tâm sự sâu xa của một thiếu phụ vắng chồng.

Văn chương trong Chinh Phụ Ngâm vô cùng diễm lệ, chứa chan tình cảm, uyển chuyển và đầy nhạc điệu. Trong số thi phẩm Hán văn của nền văn học nước ta, hiếm có tác phẩm sánh ngang được với Chinh Phụ Ngâm .

Với Chinh Phụ Ngâm bằng quốc ngữ, xưa nay nhiều bậc thức giả uyên bác đã phân tích và đánh giá về nhiều phương diện. Vậy mà ngày nay những khám phá mới mẻ và sâu sắc hơn vẫn tiếp tục ra đời. Điều đó chứng tỏ Chinh Phụ Ngâm súc tích biết chừng nào về giá trị nội dung lẫn giá trị nghệ thuật.

Thời Lê mạt (Cảnh Hưng) - Chúa Trịnh (Trịnh Giang, Trịnh Doanh) là một thời kì nhiễu nhương và thối nát. Bọn vua chúa hoang dâm, ích kỉ và tàn bạo đã đẩy dân chúng vào cảnh lầm than, điêu đứng. "Thượng bất chính hạ tắc loạn". Đất nước chìm đắm triền miên trong cảnh loạn lạc, máu lửa và binh đao. Hàng ngàn vạn gia đình phải rơi vào tình cảnh chia li tan tác, tạo nên số phận bi thảm của những chinh phu và chinh phụ. Nỗi đau thương tưởng chừng thấu tới tận trời xanh. Chinh Phu Ngâm ra đời như tiếng than van thống thiết của con người, của tình yêu đôi lứa, của gia đình trong cái thời đại đen tối ấy.

Trước hết, bằng sự bóc trần thực trạng đời sống - nhất là đời sống nội tâm tràn ngập sầu đau - của người chinh phụ, tác phẩm nêu lên một luận đề hết sức quan trọng của xã hội: Chiến tranh và Hoà Bình.

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.

Chỉ hai câu thơ đủ cho ta thấy: Một khi chiến tranh xảy ra thì con người nói chung, và đặc biệt là người phụ nữ, lập tức bị đẩy vào nghịch cảnh, vào nỗi khổ đau vô tận.

Chiến tranh mà Chinh Phu Ngâm đề cập chỉ là chiến tranh mưu bá đồ vương, bảo vệ ngai vàng của bọn vua chúa phong kiến.

Cách nhìn chiến tranh như vậy chứng tỏ tác giả Chinh Phu Ngâm đã đứng vững như bàn thạch trên một lập trường duy nhất: Lập trường của chủ nghĩa nhân bản.

Bằng lập trường tiến bộ đó, tác giả vạch trần mâu thuẫn giữa quyền lợi của quần chúng nhân dân với quyền lợi ích kỉ của bọn vua chúa. Khi người chinh phụ vắng chồng phải sống những tháng năm đằng đẵng trong đau khổ, còn người chinh phu ngoài chiến địa bị đẩy vào cảnh chết c:

Non kì quạnh quẽ trăng treo

Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi

thì ở chốn triều đình bọn vua chúa chẳng biết đây là đâu:

Trên trường gấm thấu hay chẳng nhẽ?

Câu thơ "Mặt chinh phu ai vẽ cho nên" đã tố cáo thẳng thừng kẻ thù phạm tạo ra tấn bi kịch của chinh phu và chinh phụ: Đó chính là bọn vua chúa.

Vạch trần bộ mặt hắc ám của chiến tranh, Chinh Phu Ngâm đồng thời diễn tả giấc mộng đê mê của chinh phụ: Giấc mộng đoàn viên.

Liên ngâm đối ẩm đòi phen

Cùng chàng lại kết mối duyên đến già

Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ

Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình

Giấc mộng đoàn viên của chinh phụ phản ánh khát vọng hoà bình của nhân dân ta trong thế kỉ XVIII loạn lạc và tang tóc.

Rõ ràng Chinh Phu Ngâm muốn khẳng định chân lí: Hoà bình là điều kiện tiên quyết của hạnh phúc con người và hạnh phúc lứa đôi.

Với lập trường nhân đạo sâu sắc triệt để, Chinh Phu Ngâm đi vào chiều sâu thăm thẳm của tâm hồn một phụ nữ phương Đông và khắc hoạ nên một bức tranh về thế giới tâm hồn kì diệu ấy.

Không một ai không cảm thán trước vẻ đẹp vô ngần về tình cảm, sự thuần khiết và cao quý về đức hạnh, sự mẫn tuệ và sự khả ái của nàng. Vẻ đẹp tuyệt vời của tâm hồn người con gái Việt Nam chúng ta đã gặp trong ca dao, dân ca, truyện nôm khuyết danh. ở

Chinh Phụ Ngâm, chúng ta gặp lại vẻ đẹp ấy nhưng đã được nâng cao hơn một bậc đáng kể nhờ sự gia công của văn chương bác học.

Chinh phụ tuy không tách rời hẳn cuộc sống của người bình dân:

Con thơ mắng sữa vả đương phù trì.

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa

Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm...

nhưng nàng có phong cách quý phái của giới thượng lưu;

Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng

hoặc: Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước

hoặc: Mượn hoa mượn rượu giải buồn...

Ở đẳng cấp trên, lại có học vấn - như bản thân Hồng Hà nữ sĩ - tâm hồn chinh phụ dồi dào hơn, sâu và cao hơn, cả về tư tưởng

lẫn tình cảm so với người phụ nữ bình dân. Đó chính là một nguồn suối tâm tư đầy ắp sản sinh ra thiên trường thi trữ tình Chinh Phụ Ngâm.

Lần theo dòng suy nghĩ của chinh phụ, chúng ta không thể không thán phục khối óc mẫn tuệ cũng như sự nhạy cảm của trái tim nàng. Vượt trên những giáo điều phong kiến - những thứ lí luận xám xịt - nàng đặt một câu hỏi hết sức nhân bản:

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ

Chàng há từng học lũ vương tôn

Cớ sao cách trở nước non

Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu?

Nàng hối hận vì có lúc nàng đã quá đại khờ:

Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu

Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.

Và nàng đã khẳng định cái triết lí hạnh phúc "Tất cả ở đây, tất cả lúc này":

Ấy loại vật tình duyên còn thế

Sao kiếp người nữ để đây đây?

Và: Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy

Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.

Thiếp xin chàng chớ bạc đầu

Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung!

Thiết tưởng những tư duy đầy nhân bản ấy của chinh phụ có thể làm cho các nhà nhân văn thời Phục Hưng và thời Khai Sáng ở phương Tây phải thán phục!

Người chinh phụ là hình tượng cổ điển cao quý, tiêu biểu cho phẩm chất của phụ nữ Việt Nam mọi thời đại.

Tình yêu của nàng với chồng không gì sánh nổi. Mặc dù sống cách đây hai thế kỉ rưỡi, hình như nàng đã tìm thấy tình yêu đích thực, song phương và hạnh phúc:

Trang phong lưu đang chùng niên thiếu
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.

Toàn bộ bản trường ca là nỗi nhớ nhung, lo âu mong đợi, thương xót và khát khao, khiến biết bao thế hệ con người đã phải rơi lệ!

Tuy sống trong nghịch cảnh nhưng cách ứng xử của nàng tỏ ra hơn hẳn những người đàn bà tầm thường như vợ Tô Tần ngày xưa:

*Thiếp chẳng đại như người Tô phụ
Chàng hẳn không như lũ Lạc Dương
Khi về đeo quả ấn vàng*

Trên khung cửi đám dấy duồng làm cao.

Xin vì chàng xếp bào cỡi giáp

Xin vì chàng rũ lớp phong sương,

Vì chàng tay chuốc chén vàng,

Vì chàng điếm phấn đeo hương nãi nùng!

Chinh phụ ngâm - cuốn nhật kí tâm hồn của một người chinh phụ - đã cho chúng ta thấy tầm vóc cao đẹp về tình cảm, đức hạnh và trí tuệ của người phụ nữ Việt Nam thế kỉ XVIII, không hề thua kém nàng Pénélope của Hy Lạp cổ đại trong tác phẩm ODYSSÉE bất hủ của Homère.

So với nàng - con người giữ được nhiều tính chất thiên chân - thì hình ảnh người chinh phụ có phần mờ nhạt. Hình như trong đầu óc kẻ chinh phu phong kiến này đầy dẫy những giáo điều chết cứng. Chàng lao vào chiến tranh như một cái máy:

Múa gươm rượu tiễn chưa tàn

Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo,

Chàng không ý thức được thực chất hành động xả thân của mình
và chàng còn bị mù quáng bởi những bả vinh hoa:

Non Yên tạc đá đề danh...

Chính vì lẽ đó, kẻ nhìn rõ mặt trái của chiến tranh chính là người
chinh phụ, chứ không phải là chinh phu, kẻ trực tiếp dấn thân
"vào nơi gió cát"!

Tuy nhiên lòng yêu chồng đã lấn át và bao trùm tất cả. Chinh phụ
không một lời oán trách chồng. Phải chăng điều đó cho chúng ta
thấy một nét đẹp khác: đó là sự nhu thuận trong tính cách của
nàng?

Về nghệ thuật, Chinh phụ ngâm là tác phẩm tiếng Việt ưu tú vào
bậc nhất của văn học Việt Nam.

Với Chinh phụ ngâm, ngôn ngữ văn học dân tộc đã được nâng tới trình độ tột đỉnh. Mỗi câu thơ đều được tạo thành bởi những từ ngữ tinh xác, được gọt giũa công phu bởi một văn tài lớn.

Những câu thơ đầy hình ảnh:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

Những câu thơ tả cảnh chiến địa thê lương:

Non Kì quạnh quẽ trăng treo

Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trăng dãi dãi soi.

Cảnh thiên nhiên sâu thẳm:

Sương như búa bổ mòn góc liễu

Nước đường cửa xẻ héo cành ngô

Giọt sương phủ bụi chim gù

Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

Những câu thơ tả "hình dong" người chinh phụ sầu não:

Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng

Lệch làn tóc rối lỏng vòng lưng co.

Và trên tất cả là những câu thơ tả tình, tả mọi trạng thái tâm lí:

- *Đưa chàng lòng dặc dặc buồn*

- *Hương gượng đốt hồn đà mê mải*

- *Gương gượng soi lệ lại chứa chan*

- *Sắt cầm gượng gảy ngón đàn*

- *Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.*

Ngôn ngữ Việt Nam vốn giàu sức biểu hiện, giàu hình dung từ tinh tế, đã được vận dụng vào trong tác phẩm một cách tài tình:

- *Thét roi cầu vị ào ào gió thu*
- *Lá cờ bay ngùn ngụt*
- *Gà co óc gáy sương*
- *Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa*
- *Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòn*

Đôi khi Chinh phụ ngâm dùng ngoại ngữ. Đó là dấu hiệu cho thấy ngôn ngữ thơ đã vượt tới một tầm cao, bắt đầu phát huy tính chất "cuồng phóng" vốn ít có trong văn chương "khuôn phép" thời xưa:

- *Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng*
- Ôm đàn tranh mấy phím rời tay*
- *Ca quyên gheo làm rơi nước mắt*
- Trống tiêu khua như rút buồng gan*

Võ vàng đổi khác dung nhan...

Chinh phụ ngâm sử dụng thể thơ đặc thù của dân tộc, đã có sẵn trong nền văn học dân gian: đó là thể song thất lục bát, giàu nhạc điệu hơn thể thơ lục bát bởi hai vần trắc ở hai câu 7. Thể thơ này tỏ ra thích hợp cho những tác phẩm trữ tình, như "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, "Ai tư vấn" của Lê Ngọc Hân, "Tự tình khúc" của Cao Bá Nhạ, "Khóc Dương Khuê" của Nguyễn Khuyến...

Một tác phẩm văn chương bác học, được sáng tạo bởi một thể thơ thuần túy dân tộc: Đó là bằng chứng hùng hồn cho thấy tiềm năng to lớn của tiếng Việt. Đồng thời chính điều đó đã khiến Chinh phụ ngâm trở nên ưu việt, được quảng đại quần chúng tiếp nhận, tán thưởng và truyền tụng suốt từ đời nọ đến đời kia.

Chinh phụ ngâm chuyển hoá một cách tài tình những điển cố và những câu thơ của văn học Trung Hoa sang tiếng Việt, làm giàu

cho kho từ vựng ngôn ngữ văn học nước nhà:

*Chón Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
- Chàng ruỗi ngựa dặm ngàn mây phủ
Thiếp dạo hài lối cũ rêu in...*

(phỏng thơ Lí Bạch)

*- Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong*

(Phỏng thơ Vương Xương Linh)

Chinh phụ ngâm còn sử dụng nhạc điệu vô cùng điệu nghệ khiến cho tác phẩm từ lúc ra đời đến nay dường như không phải để

đọc mà là để ca, để ngâm ngợi ... Với "AIR" giai điệu hoà thanh trầm sâu và da diết, có đổi thay theo từng trạng thái tâm hồn, ca khúc Chinh phụ ngâm đã làm say mê biết bao thế hệ con người...

Vì những lí do đã nêu trên, Chinh phụ ngâm đã trở thành kiệt tác thi ca, và bản diễn nôm của Hồng Hà nữ sĩ được đánh giá là hay hơn cả nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn.

(1) Bản thân nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã từng trải tâm trạng y hệt tâm trạng của người chinh phụ. Sau khi lấy chồng được vẹn vẹn một tháng thì chồng bà là Nguyễn Kiều phải cầm đầu phái bộ đi sứ sang nhà Thanh trong ba năm trời. Có lẽ vì thế bà đã dồn tất cả tâm huyết để diễn nôm tác phẩm của Đặng Trần Côn. Những năm gần đây có ý kiến cho rằng tác giả của bản nôm Chinh Phụ Ngâm hiện hành là Phan Huy Ích. Nhưng các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam cho biết hiện vẫn chưa có đủ tài liệu chính xác, tin

cậy để xác nhận điều đó. Vì vậy vị trí của Hồng Hà nữ sĩ đối với bài diễn ca chinh Phụ Ngâm vẫn chưa có thể thay.